

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 12/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà U có mặt tại phiên tòa. Ông S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông S chung sống với nhau từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông S thường xuyên uống rượu về đánh đập bà.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông S là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông S có 01 người con chung là Lê Thanh G (sinh ngày 28/9/2003) do cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà U vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Lê Thanh S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà U khởi kiện yêu cầu không công nhận bà với ông S là vợ chồng là vụ án dân sự và bị đơn ông S cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà U yêu cầu giải quyết không công nhận bà với ông S là vợ chồng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa bà U kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông S là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S, tuy nhiên ông không có văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa ông S cũng vắng mặt không có lý do. Do đó, không công nhận bà U và ông S là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà U trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị U và ông Lê Văn S là vợ chồng.

2/ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí: Bà Trần Thị U phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai số 0003175 ngày 29/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA